

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Lógica và lịch sử đều khẳng định rằng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn hiện đại, công nghiệp hóa là bước đi tất yếu mà các nước sớm muộn đều phải trải qua. Marx, trong tác phẩm "Tư bản" khi nghiên cứu 3 giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp và Lênin trong tác phẩm "Sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Nga" đã cho ta ý tưởng về bước đi tất yếu nói trên.

Trên thế giới, công nghiệp hóa diễn ra không đều nhau giữa các nước về thời gian tiến hành. Các nước thực hiện công nghiệp hóa trước thế chiến 2, thường gắn với khái niệm công nghiệp hóa cổ điển. Nó là quá trình biến một nước nông nghiệp lạc hậu thành nước công nghiệp có trình độ tương ứng với cuộc cách mạng kỹ thuật hay cách mạng công nghiệp.

Từ sau Thế chiến 2, nhất là từ những năm 70 của thế kỷ XX đến nay, các nước làm công nghiệp hóa sau không chỉ tiếp nhận những thành tựu của cách mạng kỹ thuật, mà còn tiếp nhận những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, để nhanh chóng đi vào hiện đại hóa nếu không muốn bị lạc hậu so với các nước đi trước. Hiện đại hóa được hiểu là quá trình tiếp tục làm cho nền kinh tế trong đó, kỹ thuật, công nghệ và cơ cấu kinh tế mang tính chất và trình độ mà thời đại đã đạt được.

Nhiều nhà kinh tế cho rằng nếu công nghiệp hóa cổ điển gắn với mô hình nền "kinh tế công nghiệp" thì hiện đại hóa lại gắn với mô hình nền "kinh tế tri thức". Có thể nói, trong thời đại ngày nay, các nước đi sau làm công nghiệp hóa không thể không gắn liền với hiện đại hóa, không chỉ đơn thuần diễn ra trong ngành công nghiệp theo quan niệm cũ, mà diễn ra trong tất cả các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội.

Ý thức được điều đó, qua nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, nhiều cuộc hội thảo xoay quanh vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 7 (khoá VII) đã đưa ra cụm khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chỉ rõ: "công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội

cao".

Với quan niệm trên, khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa được hiểu qua 3 khía cạnh:

- Đây là một quá trình chuyển đổi căn bản và toàn diện, một sự thay đổi về chất của nền kinh tế diễn ra trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, các vùng và các thành phần kinh tế của nền kinh tế quốc dân;

- Về mặt kỹ thuật, công nghệ, có sự

ng nghiệp.

Khái niệm trên được hiểu theo nghĩa rộng hơn, bao hàm hai khái niệm: CNH, HĐH nông nghiệp; CNH, HĐH nông thôn, trong đó, CNH, HĐH nông nghiệp là một bộ phận của CNH, HĐH nông thôn. Theo đó, tác giả hiểu theo nghĩa thứ hai.

Từ cách tiếp cận nói trên, có thể định nghĩa: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một bộ

phận cơ bản hợp thành CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân; là quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, hiện đại, gắn nông nghiệp với công nghiệp và

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ NƯỚC

TS. VŨ ANH TUẤN

thay đổi trạng thái từ thủ công lạc hậu lên cơ khí và hiện đại;

- Về mục tiêu là nhằm tăng năng suất lao động xã hội. Bởi lẽ, theo Lênin, suy cho đến cùng xã hội sau chiến thắng xã hội trước, cái cốt lõi là chiến thắng về kinh tế, chiến thắng bằng năng suất lao động. Hơn nữa, năng suất lao động cao là "chìa khóa" để nâng cao hệ số tích lũy, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của nhân dân, nhất là cư dân vùng sâu, vùng xa.

2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các địa phương, trong tiến trình phát triển xét về thực chất là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Bởi lẽ, ở nước ta từ một số thành phố lớn, thì hầu hết các địa phương đều có những điểm xuất phát là nông nghiệp, nông thôn nghèo nàn, lạc hậu và 80% dân cư sinh sống. Không phải ngẫu nhiên Marx và Engels lấy sự giải phóng nông dân, nông nghiệp và nông thôn là tiêu chuẩn làm thước đo lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân mà đội đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản. Và cũng không là ngẫu nhiên trong Chính sách kinh tế mới Lênin lấy nông nghiệp, nông dân và nông thôn làm điểm xuất phát và đưa khái niệm về cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là "nền đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo nông nghiệp". Và Đảng ta rất có lý khi xác định nông nghiệp là "mặt trận hàng đầu", coi CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là trọng tâm cần được ưu tiên.

Công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một khái niệm được hiểu gắn với 2 nghĩa:

CNH, HĐH ngành nông nghiệp diễn ra trên phạm vi nông thôn với chủ định nhấn mạnh ngành kinh tế nông

dịch vụ cho phép phát huy có hiệu quả cao của mọi nguồn lực và lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, mở rộng giao lưu trong nước và quốc tế; nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội trong nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới giàu có, công bằng, dân chủ, văn minh và xã hội chủ nghĩa.

3. Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Như trên đã phân tích, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một bộ phận của CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân, nên về mặt phương pháp luận tiếp cận xác định nội dung cơ bản của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn phải xuất phát từ nội dung cơ bản của CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân. CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân, một nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nội dung cơ bản của nó bao gồm:

Một là, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nội dung này biểu hiện qua các nhiệm vụ cụ thể:

- Trang bị và trang bị lại kỹ thuật cũ theo hướng hiện đại.

- Ứng dụng những thành tựu mới của khoa học vào các ngành sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

Các nhiệm vụ nói trên được thực hiện qua hai con đường nội sinh và ngoại sinh. Con đường thứ nhất được thực hiện thông qua tự nghiên cứu chế tạo trong nước dùng nó để trang bị cho các ngành của nền kinh tế quốc dân. Con đường thứ hai được thực hiện thông qua nhận chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới từ các nước tiên tiến về ứng dụng vào các ngành trong nền kinh tế quốc dân.

Trong hai con đường nói trên, con đường thứ nhất (nội sinh) giữ vị trí cơ

bản và quyết định không thể thay thế được nếu muốn nước ta độc lập tự chủ. Con đường thứ hai (ngoại sinh) là rất quan trọng, nhất là thời kỳ đầu, nó cho phép rút ngắn khoảng cách lạc hậu xa về kinh tế và kỹ thuật giữa nước ta với các nước tiên tiến trên thế giới và khu vực.

Hai là, phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể các quan hệ kinh tế giữa các ngành, các vùng và các thành phần kinh tế có quan hệ tương tác với nhau trên cả hai mặt định tính và định lượng, tồn tại và phát triển trong những điều kiện nhất định, nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển của nền kinh tế trong từng thời kỳ.

- Từ khái niệm trên có thể thấy cơ cấu kinh tế bao gồm ba nội dung: cơ cấu ngành và nội bộ ngành kinh tế; cơ cấu vùng kinh tế chuyên môn hóa theo lãnh thổ và cơ cấu thành phần kinh tế, ở nước ta hiện nay có các thành phần kinh tế như: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác mà nông cốt là hợp tác xã; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế cá thể, tiểu chủ và theo dự thảo văn kiện Đại hội IX còn có kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế nói trên trong quá trình vận động có thể đan xen, hỗn hợp với nhau.

- Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, toàn cầu hoá và kinh tế thị trường, cơ cấu kinh tế chứa đựng các đặc trưng: tính khách quan; tính thị trường, mở cửa và hội nhập; tính thời đại; tính hiệu quả kinh tế - xã hội.

cơ cấu kinh tế như đã phân tích ở trên.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải tuân theo các quy luật sau đây:

- Tỷ trọng ngành công nghiệp trong GDP giảm dần, còn tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ tăng dần, trong đó tỷ trọng ngành dịch vụ tăng nhanh hơn ngành công nghiệp và xây dựng.

- Tổng giá trị sản lượng trong nước (GDP) của cả 3 ngành đều tăng lên qua các năm.

- Nói chung xã hội ngày càng hướng đến những ngành sản xuất sử dụng công nghệ cao với hàm lượng lao động trí tuệ chiếm ưu thế. Điều đó có nghĩa nền kinh tế chuyển dịch đi từ nền kinh tế nông nghiệp lên nền kinh tế công nghiệp và sau nữa lên nền kinh tế tri thức.

Ba là, chuyển dịch cơ cấu lao động. Song song với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân và CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lao động cũng được chuyển dịch. Thực chất của việc chuyển dịch cơ cấu lao động là tổ chức sắp xếp và phân công lại lao động xã hội ở các địa phương trong cả nước, nhất là nông nghiệp, nông thôn, nơi hiện nay chiếm khoảng 70% nguồn lao động của cả nước.

Trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lao động được chuyển dịch theo tính quy luật sau:

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm dần, còn tỷ trọng lao động công nghiệp xây dựng và dịch vụ tăng lên trong tổng lao động xã hội, trong đó, tỷ

Từ nội dung cơ bản nói trên của CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân, có thể đưa ra những nội dung cụ thể của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn sau đây:

- Thực hiện thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa, ứng dụng sinh học hóa, hóa học hóa... vào nông nghiệp.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội theo hướng đồng bộ và hiện đại.

- Phát triển toàn diện nông, lâm, thủy sản, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đảm bảo an toàn về lương thực, thực phẩm trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của thị trường nước và xuất khẩu.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị.

- Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp, các loại hình dịch vụ sản xuất và đời sống.

Xây dựng nông thôn mới sạch về môi trường, giàu có, công bằng, dân chủ và văn minh.

4. Vai trò của CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn

Xây dựng và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại để nông nghiệp nông thôn phát triển sản xuất, cung cấp lương thực, thực phẩm nhiều và tốt hơn cho xã hội. Sản xuất của cải vật chất, trước hết là lương thực, thực phẩm giữ vai trò cơ sở cho sự tồn tại của con người. Thực tế hàng ngàn năm lịch sử cha ông ta đã rất coi trọng ngành kinh tế này và luôn coi đó là chính sách kinh tế căn bản - chính sách "đi nông vi bản" (lấy nông nghiệp làm gốc). Phát triển nông nghiệp nông thôn không chỉ làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao mức sống cho gần 4/5 dân số mà còn có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thông qua CNH, HĐH góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn nghèo nàn, lạc hậu thành nền nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, hình thành và phát triển thị trường, nông thôn đổi thay, giàu có và từng bước được đô thị hóa qua việc hình thành và phát triển các thị tứ, thị trấn và thị xã, qua đó hiệu quả sản xuất nông nghiệp sẽ tăng lên. Hiện nay bình quân 1 ha đất nông nghiệp ở nước ta chỉ đạt khoảng 600 USD/năm, trong khi ở Hà Lan là 16.600 USD/năm. Theo đó, một lao động nông nghiệp của ta làm ra khoảng 200 USD/năm còn ở Hà Lan là khoảng 44.000 USD/năm.

Thông qua CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, các cơ sở kinh tế trên

Mô hình khái quát cơ cấu kinh tế: nội dung và đặc trưng



Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có nghĩa xem xét cơ cấu kinh tế ở trạng thái động có định hướng. Nó là quá trình làm thay đổi cấu trúc, tỷ trọng, tốc độ và chất lượng các mối quan hệ kinh tế giữa các ngành, các vùng và các thành phần kinh tế nhằm đạt tới một cơ cấu hợp lý hơn, tạo thế và lực mới cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Một cơ cấu kinh tế được chuyển dịch hợp lý khi nó thỏa mãn các đặc trưng của

trọng lao động dịch vụ tăng nhanh hơn.

- Tỷ trọng lao động giảm dần, còn tỷ trọng lao động trí tuệ gắn với nền kinh tế tri thức tăng nhanh và chiếm ưu thế trong tổng lao động xã hội.

- Trong nông thôn, lao động được chuyển dịch theo hướng "ly điền, ly nông bất ly hương" (rời ruộng, rời nghề nông nhưng không rời làng xóm) nhờ phát triển ngành nghề đa dạng và thực hiện đô thị hoá ở nông thôn.

địa bàn nông thôn sẽ phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô, nhiều loại dịch vụ xuất hiện, việc làm mới được tạo ra ngày càng nhiều, góp phần giải quyết tình trạng lao động dư dôi nhất là thời kỳ nông nhàn. Một mặt nâng cao hệ số sử dụng lao động tại nông thôn, mặt khác giữ được lao động cho nông thôn tránh áp lực di dân miền cưỡng ra thành thị.

CNH, HDH góp phần củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất mới, bảo đảm cho lực lượng sản xuất phát triển nhanh, đúng tính qui luật khách quan của nó.

CNH, HDH nông nghiệp nông thôn góp phần củng cố khối liên minh công - nông - trí, hình thành nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Lênin đã từng rất coi trọng vấn đề nông dân và phát triển nông nghiệp qua việc chuyển từ "chính sách công sản thời chiến" sang "chính sách kinh tế mới". Hồ Chí Minh cũng đã từng đánh giá cao vai trò của nông dân với cách mạng. Thực tế vừa qua còn cho thấy nông nghiệp nông thôn và nông dân là lực lượng quan trọng giúp cho nền kinh tế nước ta ổn định trước "bão tài chính" của khu vực.

5. Kinh nghiệm từ một số nước trong quá trình CNH, HDH nông nghiệp nông thôn

Bài viết hướng việc nghiên cứu đến một số nước và lãnh thổ có những điểm tương đồng với nước ta.

a. *Đài Loan*: Đài Loan có diện tích khoảng 30.000km², bình quân diện tích đầu người vào loại thấp. Nước bạn thực hiện CNH, HDH nông nghiệp nông thôn từ khoảng cuối năm 1960, ngoài việc rất coi trọng xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, việc hình thành các khu công nghiệp ở nông thôn và việc gắn công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến với nông thôn đã trở thành một bộ phận quan trọng trong chính sách kinh tế của Đài Loan. Do áp dụng sớm và có hiệu quả chương trình điện khí hoá nông thôn nên vào đầu thập niên 60 đã có khoảng 70% số hộ gia đình được dùng điện với giá rẻ và nước sạch. Ở nước ta tỷ lệ này còn rất thấp, số hộ dùng nước sạch mới đạt 35% ở Bạc Liêu, 53% ở Kiên Giang... Cải cách ruộng đất thể hiện sự thành công của chính phủ Đài Loan, qua đó đã thúc đẩy nông nghiệp Đài Loan phát triển nhanh và rất đa dạng. Nhà nước đã đầu tư những khoản tiền rất lớn vào giáo dục để phổ cập giáo dục, đào tạo nhân lực và nhân tài cho đất nước, số trường học ở các cấp đã tăng 4 lần chỉ trong 4 thập kỷ, từ 1.769 trường vào đầu thập niên 50 lên 6.684 trường vào đầu thập niên 90. Những yếu tố trên đã đẩy nhanh nông nghiệp Đài Loan bước vào thời kỳ cao sản với nhiều loại cây trồng có giá trị thương phẩm cao.

b. *Thái Lan*: Thái Lan là một nước có diện tích đất canh tác rộng, khoảng 20

triệu ha, gần gấp 3 lần nước ta, bình quân đầu người gấp 4 lần Việt Nam (khoảng 3.800 m²/người). Cách đây khoảng 30 năm Thái Lan vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu nhưng hiện nay đã trở thành nước phát triển trong khu vực. Thực hiện CNH, Thái Lan coi nông nghiệp nông thôn là xương sống của đất nước, bạn chủ trương đẩy mạnh khai hoang, nâng cao trình độ thâm canh, đa dạng hóa sản xuất, phát triển mạnh năng lượng, thủy lợi và giao thông để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là việc chuyển từ nông nghiệp tự túc sang nông nghiệp hàng hóa. Ngoài việc đầu tư phát triển mạnh kết cấu hạ tầng vật chất kỹ thuật cho nông thôn, họ rất coi trọng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, điện khí hoá nông thôn. Do đó, 94% số làng, xã được dùng điện với giá rẻ hơn thành thị vào đầu thập niên 90. Bên cạnh việc đẩy mạnh đào tạo nhân lực, Thái Lan áp dụng tình trạng di cư qua 2 luồng: từ nông thôn về thành phố và từ thành phố về khu vực kém phát triển. Qua đó góp phần phổ biến tri thức hiện đại và những thành tựu khoa học, kỹ thuật và văn hóa những khu vực ngoại biên, đồng thời làm tăng khả năng ứng xử của người nông dân. Thái Lan một mặt chủ trương giữ ổn định sở hữu ruộng đất của nông dân, chú trọng giải quyết lao động nông nhàn, dư dôi, mặt khác, chấp nhận sự phân hóa giàu nghèo ở mức cao để tạo động lực phát triển. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề xã hội khó khăn của bạn.

c. *Trung Quốc*: Ngay sau khi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được thành lập vào tháng 10 năm 1949, Trung Quốc đã chủ trương lấy nông nghiệp làm cơ sở của nền kinh tế quốc dân. Nông thôn là công tác trọng điểm của Đảng bởi Trung Quốc là một nước nông nghiệp rộng lớn và đông dân với khoảng 100 triệu ha đất canh tác bằng 73% của thế giới, gần 1,3 tỷ người bằng 23% của thế giới. Cuối thập niên 50, đầu thập niên 60 sau những sai lầm dẫn đến nông nghiệp đình đốn, nông dân nghèo khổ suốt thời gian dài, từ năm 1979, Trung Quốc áp dụng chế độ khoán tổ, khoán hộ, rồi giao ruộng khoán tập trung vào các hộ chuyên. Hộ nông dân được coi là đơn vị sản xuất kinh doanh, được tự chủ và toàn quyền lựa chọn hướng kinh doanh sau khi hoàn thành nghĩa vụ khoán. Theo đó, cơ cấu cây trồng có sự chuyển đổi nhanh từ cây lúa sang cây bông, phát triển chăn nuôi đa dạng và sản xuất thủ công nghiệp. Xí nghiệp hương trấn ra đời phát triển nhanh đã không ngừng gia tăng mức đóng góp vào tổng sản phẩm xã hội, từ 7% vào năm 1980 lên 26% vào năm 1998. Nhờ mở rộng thường xuyên thị trường mà ngày nay sản phẩm của xí nghiệp hương trấn có mặt trên khắp toàn cầu với số lượng và sức cạnh tranh ngày càng tăng. Tuy nhiên, bạn vẫn vấp phải những khó khăn như kỹ thuật thấp,

quản lý kém, năng suất thấp, nợ nhiều...

Từ tổng quan kinh nghiệm của các nước và vùng lãnh thổ có thể rút ra một số kinh nghiệm chung có tác dụng gợi mở cho việc vận dụng trong tiến trình CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta.

Một là, hầu hết các nước và vùng lãnh thổ được khảo sát cho thấy họ rất coi trọng các nhân tố ảnh hưởng đến tiến trình CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn như: điều kiện tự nhiên, kinh tế, kỹ thuật - công nghệ, nhân văn và môi trường thể chế.

Hai là, trong quá trình CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn cần đặc biệt coi trọng công tác quy hoạch và kế hoạch trên cả tầm vĩ mô và vi mô.

Ba là, trong đầu tư trực tiếp và gián tiếp cho sản xuất nông nghiệp, kinh nghiệm cho thấy đầu tư gián tiếp được quan tâm nhiều hơn. Đầu tư trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp thông qua các hộ nông dân vay tín dụng ưu đãi; điều chỉnh giá vật tư đầu vào thấp đối với sản xuất nông nghiệp; nhà nước bao tiêu sản phẩm cho các hộ nông dân theo giá quy định. Đầu tư gián tiếp cho sản xuất nông nghiệp theo hướng đầu tư vào các hoạt động phục vụ lợi ích chung của cả nền nông nghiệp như: điện lực, thủy lợi, giao thông, nghiên cứu lai tạo giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt thích ứng với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng từng vùng.

Bốn là, xây dựng, phân bố công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp sản xuất máy móc nông nghiệp trên địa bàn nông thôn, gần nguồn nguyên liệu, vừa thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa khai thác và sử dụng mọi nguồn lực ở nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời giải quyết việc làm cho lao động ở địa bàn nông thôn, góp phần vào việc thành thị hóa nông thôn theo hướng "ly nông bất ly hương".

Năm là, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, nhưng cần xác định cơ cấu cây trồng hợp lý, có chính sách ưu tiên phát triển những cây, con có tiềm năng xuất khẩu như hỗ trợ và giúp đỡ nông dân về vốn, công nghệ; chính sách trợ giá nông phẩm để khuyến khích nông dân sản xuất, bảo đảm quyền lợi cho họ trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

Sáu là, thực hiện đa dạng hóa các xí nghiệp nông công nghiệp và dịch vụ với những hình thức sở hữu khác nhau nhằm khai thác có hiệu quả, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn.

Bảy là, thực hiện đa dạng hóa chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao cho quá trình CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn ■

Tài liệu tham khảo.

1. Marx Anghien, *Tư bản*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. V. I. Lênin, *Sự phát triển của CNTB ở Nga*, toàn tập, tập 3, Nxb Tiến bộ Maxcova, 1978.
3. Dự thảo văn kiện Đại hội IX